TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN ĐỘNG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS-ST
Ngày 18-11- 2022
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát

2. Ông Lã Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động *tham gia phiên toà:* Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên;

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai V2 án dân sự thụ lý số 32/2021/TLST-DS, ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa V2 án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-DS, ngày 18 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Mộc Xuân Th, sinh năm 1961, có mặt
Bà Hoàng Thị K, sinh năm 1962, có mặt

Địa chỉ: Thôn DB, xã AL, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* 1) Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1985, vắng mặt
Chị Dương Thị T, sinh năm 1984, vắng mặt
2) Ông Hoàng Văn V2, sinh năm 1974, vắng mặt
Bà Đàm Thị H, sinh năm 1975, vắng mặt

Cùng có địa chỉ: Thôn L, xã LV, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa V2 liên quan:*

1) Anh Mộc Văn Chính, sinh năm 1987 (con ông Th) , vắng mặt

2) Anh Mộc Văn Dương, sinh năm 1989 (con ông Th) , vắng mặt

3) Anh Mộc Văn H, sinh năm 1991 (con ông Th) , vắng mặt

Đều có địa chỉ: Thôn DB, xã AL, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

4) Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1996 (con ông V2), vắng mặt

5) Chị Mạc Thị Ng, sinh năm 1998 (con ông V2), vắng mặt

6) Ông Hoàng Văn Ph, sinh năm 1943 (bố ông V), vắng mặt

7) Bà Nịnh Thị L, sinh năm 1947 (mẹ anh V), vắng mặt

8) Chị Hoàng Thị Kim Đ, sinh năm 2004 (con ông V) , vắng mặt

9) Chị Hoàng Thị L, sinh năm 2006 (con ông V) , vắng mặt

Đều có địa chỉ: Thôn L, xã LV, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện H pháp của cháu Hoàng thị L: Ông Hoàng Văn V(cũng là bị đơn trong vụ án)

10) Ủy ban nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang

Do ông Lâm Văn B – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Sơn Động đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 3141/UBND-NC, ngày 02/11/2022), vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG V2 ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Mộc Xuân Th, bà Hoàng Thị K trình bày:

Ông Mộc Xuân Th trình bày: Gia đình ông có 01 thửa đất lâm nghiệp ở khu Ao Táu, thôn Đồng Bài (còn gọi là thôn Bài), xã AL, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, diện tích khoảng 24ha, đất có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất của ông Mã Văn Dường, phía Đông giáp đường liên thôn (đi vào thôn Đồng Bài), phía Nam giáp đường liên thôn (đi vào thôn Lạnh), phía Tây giáp đất của thôn L, xã LV. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nguồn gốc thửa đất: Năm 1995, gia đình ông được nhà nước giao cho lô đất lâm nghiệp nói trên để trông coi, bảo vệ rừng và phủ xanh đất trống đồi núi trọc, được Ủy ban nhân dân huyện Sơn Động cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp ngày 05/9/1995, diện tích 24ha, đến năm 2000 được cấp chuyển sang sổ bìa đỏ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 879802, cấp ngày 25/02/2000, mang tên Mộc Xuân Th, thuộc lô e khoảnh 26, diện tích 180.000m^2. Đối với 06 ha là đất trống đồi núi trọc gia đình vẫn chăm sóc và bảo vệ nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi nhận đất, gia đình ông tiến hành trông coi, bảo vệ rừng, cứ được 6 tháng lại phát tuyến một lần, quản lý, sử dụng liên tục từ năm 1995 đến năm 2011 thì chuyển nhượng 100.000m^2 thuộc lô e khoảnh 26 cho ông Vũ Trung. Gia đình chỉ còn quản lý 80.000m^2 đất theo như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình ông đã trồng keo, bạch đàn trên một phần diện tích thửa đất, diện tích còn lại gia đình vẫn khoanh nuôi, bảo vệ rừng.

Nguyên nhân xảy ra tranh chấp: Tháng 02/2014, vợ chồng anh Hoàng Văn V2, chị Đàm Thị H và vợ chồng anh Hoàng Văn V, chị Dương Thị T tự ý chặt

phá cây rừng và trồng keo lấn chiếm thửa đất của gia đình ông. Gia đình ông đã có đơn đề nghị chính quyền xã giải quyết. UBND xã AL cùng UBND xã Lệ Viễn phối H với Hạt kiểm lâm đã đến thực địa xem xét, xác định diện tích đất trên là đất của xã AL. Ông đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh V2, anh V trả đất nhưng hai gia đình nhất quyết không trả. Vì vậy hai bên xảy ra tranh chấp. UBND xã AL, UBND xã Lệ Viễn đã hòa giải nhưng không Th. Vì vậy, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp.

Ban đầu tại đơn khởi kiện và các lời khai trước ông có đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, buộc anh Hoàng Văn V và chị Dương Thị T phải trả lại 31.810,9m^2 đất tranh chấp, buộc ông Hoàng Văn V2 và bà Đàm Thị H phải trả lại 1.532,8m^2 đất tranh chấp. Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định, đo đạc tại thực địa, xác định diện tích đất tranh chấp theo chỉ dẫn của ông tại thực địa. Kết quả xác định diện tích đất tranh chấp giữa vợ chồng ông với vợ chồng ông V2 là 3.686m^2, với vợ chồng anh V là 30.250m^2. Do vậy, ông xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng ông V2 phải trả cho ông diện tích đất tranh chấp là 3.686m^2, yêu cầu vợ chồng anh V phải trả cho ông diện tích đất tranh chấp là 30.250m^2.

Trên diện tích đất tranh chấp, vợ chồng anh V đã trồng toàn bộ keo, có hai loại keo là keo 1 năm tuổi và keo 3 năm tuổi; vợ chồng anh V2 cũng trồng toàn bộ keo trên diện tích đất tranh chấp, keo được 3 năm tuổi.

Đối với tài sản là cây keo trồng trên diện tích đất tranh chấp, nếu yêu cầu khởi kiện của ông được chấp nhận, ông đồng ý nhận lại toàn bộ tài sản trên đất và trả lại giá trị bằng tiền cho vợ chồng ông V2, bà Đảm và vợ chồng anh V, chị T theo như kết quả định giá của Hội đồng định giá.

Bà Hoàng Thị K trình bày thống nhất với ý kiến của ông Th.

Ông Th, bà K đã giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án gồm bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Mộc Xuân Th đối với lô e khoảnh 26 tại thôn DB, xã AL; giấy chứng nhận hộ cận nghèo.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Hoàng Văn V2, bà Đàm Thị H trình bày:

Ông Hoàng Văn V2 trình bày: Gia đình ông có một thửa đất lâm nghiệp tại khu vực Đá Nghỉ thuộc thôn L, xã LV, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, diện tích khoảng gần 2ha, có tứ cận như sau: phía Đông giáp thửa đất của ông Hoàng Văn V, phía Nam giáp đường liên xã, phía Tây giáp sông, phía Bắc giáp đất của ông Hoàng Văn Nguyên. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, mang tên hộ ông Hoàng Văn Lành.

Về nguồn gốc thửa đất: Năm 1997, gia đình ông Hoàng Văn Lành (là anh trai ruột của ông) được Nhà nước giao cho 01 thửa đất lâm nghiệp ở khu vực Đá Nghỉ, thôn L, xã LV để quản lý, trông coi, bảo vệ rừng, gia đình ông Lành cũng

đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 7,8ha. Năm 2001, địa phương thực hiện dự án Việt Đức về việc trông coi, bảo vệ rừng, ông Hoàng Văn Lành đã chia đất cho hộ ông Hoàng Văn V khoảng 2ha, hộ ông Hoàng Văn Nguyên 2ha, hộ ông Hoàng Văn Tường 2ha, diện tích còn lại ông Lành tiếp tục quản lý để cùng tham gia dự án Việt Đức.

Năm 2003, ông Lành chuyển vào Miền Nam làm kinh tế mới nên đã tặng cho lại thửa đất của ông Lành cho gia đình ông quản lý, sử dụng, tiếp tục trông coi rừng, tham gia Dự án Việt Đức. Hàng năm gia đình ông tiến hành phát ranh giới thửa đất, phát dây leo và còn được hưởng tiền từ Dự án. Năm 2014, do rừng nghèo kiệt nên các hộ trong thôn cùng nhau phát dọn để trồng keo. Gia đình ông cũng tiến hành phát dọn khoảng 1ha để trồng keo, diện tích còn lại vẫn là rừng tự nhiên gia đình tiếp tục trông coi, bảo vệ. Quá trình quản lý, sử dụng thửa đất ổn định, không có tranh chấp với ai.

Năm 2021, ông Th, bà K xác định một phần diện tích thửa đất vợ chồng ông đang canh tác trồng keo là nằm trong lô E, khoảnh 26, thuộc thôn DB, xã AL của gia đình ông Th nên đã yêu cầu vợ chồng ông trả lại, gia đình ông không đồng ý nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Nay, ông Mộc Xuân Th, bà Hoàng Thị K làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, buộc gia đình ông phải di dời toàn bộ số cây trồng ra khỏi diện tích đất tranh chấp để trả lại đất cho ông Th, bà K, ông không nhất trí.

Trên đất tranh chấp có tài sản là cây keo của vợ chồng ông, nếu yêu cầu của ông Th, bà K được chấp nhận, ông phải trả lại đất cho nguyên đơn thì ông yêu cầu ông Th, bà K phải nhận lại tài sản trên đất tranh chấp và chi trả giá trị bằng tiền cho vợ chồng ông.

Bà Đàm Thị H trình bày thống nhất với ý kiến của ông Hoàng Văn V2.

Ông V2, bà H giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp đứng tên hộ ông Hoàng Văn Lành và 01 Giấy chuyển nhượng tặng cho đất.

Bị đơn ông Hoàng Văn V, bà Dương Thị T đã được Tòa án giao thông báo thụ lý V2 án nhưng không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án, không chấp hành giấy triệu tập đến Tòa án để làm việc; tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2022, biên bản làm việc ngày 09/11/2022, anh V cũng không trình bày ý kiến gì về nội dung liên quan đến V2 án.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc người có quyền lợi nghĩa V2 liên quan trình bày:

Các anh Mộc Văn Chính, Mộc Văn Dương, Mộc Văn Hà (là con của ông Mộc Xuân Th, bà Hoàng Thị K) đều thống nhất trình bày: Gia đình các anh được nhà nước giao cho quản lý, sử dụng thửa đất lâm nghiệp thuộc lô e khoảnh 26

thôn DB, xã AL từ năm 1995, diện tích 24ha, đến năm 2000 thì được cấp đổi sang sổ bìa đỏ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 879802, cấp ngày 25/02/2000, mang tên Mộc Xuân Th, thuộc lô e khoảnh 26, diện tích 18ha. Đối với 06 ha là đất trống đồi núi trọc gia đình vẫn chăm sóc và bảo vệ nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2014, gia đình ông Hoàng Văn V2, gia đình ông Hoàng Văn V tự ý chặt phá cây rừng để trồng keo, lấn chiếm thửa đất của gia đình. Các anh đã nhiều lần yêu cầu gia đình ông V2, ông V trả đất cho gia đình tôi nhưng hai gia đình nhất quyết không trả.

Nay các anh nhất trí với ý kiến của bố mẹ, yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp, buộc vợ chồng ông Hoàng Văn V2 phải trả 3.686m^2, vợ chồng ông Hoàng Văn V phải trả 30.250m^2 thuộc lô e khoảnh 26 cho gia đình anh.

Đối với cây keo là tài sản của hai hộ gia đình trồng trên đất tranh chấp, các anh cũng nhất trí với ý kiến của bố mẹ, đồng ý nhận lại tài sản và trả giá trị bằng tiền cho gia đình ông V2, ông V.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2022, cháu Hoàng Thị Lý (con của ông Hoàng Văn V) trình bày: Cháu là con đẻ của bố Hoàng Văn V và mẹ Dương Thị T. Thửa đất có tranh chấp và tài sản trên đất tranh chấp là của bố mẹ cháu, cháu không biết và không liên quan.

Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý V2 án cho người liên quan là ông Hoàng Văn Phượng, bà Nịnh Thị Lợi, chị Hoàng Thị Kim Đông, anh Hoàng Văn Huân, chị Mạc Thị Nga nhưng những người này không gửi ý kiến cho Tòa án cũng không chấp hành giấy triệu tập đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai của những người này.

UBND huyện Sơn Động trình bày: Hồ sơ giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô e khoảnh 26, thôn Bài (Đồng Bài), xã AL cho hộ ông Mộc Xuân Th và lô Q khoảnh 8 thuộc thôn L, xã LV cho hộ ông Hoàng Văn Lành hiện nay đã bị thất lạc, không còn lưu trữ được. Tuy nhiên, sơ đồ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp của ông Mộc Xuân Th, ông Hoàng Văn Lành cũng phù H với Tờ bản đồ giao đất, quản lý đất lâm nghiệp 02, phù H với 02 lô đất tại thực địa. Vì vậy, UBND huyện Sơn Động xác định: Việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô e khoảnh 26 cho hộ ông Mộc Xuân Th và lô Q khoảnh 8 cho hộ ông Hoàng Văn Lành phản ánh đúng thực tế tại thực địa, đúng quy định của pháp luật về giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc giao đất lâm nghiệp theo Nghị định 02 của Chính phủ được triển khai thực hiện theo từng xã, đảm bảo đúng địa giới hành chính các xã. Ranh giới địa chính giữa các xã được xác lập rõ ràng thể hiện rõ trên bản đồ hành chính của các xã, huyện. Đối chiếu bản đồ hành chính với thực địa, UBND huyện Sơn Động xác định vị trí thửa đất các hộ đang có tranh chấp là nằm trong địa giới hành chính của xã AL.

Nguyên đơn ông Mộc Xuân Thanh, bà Hoàng Thị K đã được UBND huyện Sơn Động giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô e, khoản 26. Việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ theo Biên bản ngày 12/7/2022 và ngày 14/9/2022 xác định:

Đất tranh chấp giữa ông Th, bà K và ông V2, bà H: Cạnh hướng Bắc dài 37m, tiếp giáp với thửa đất ông V, bà T đang quản lý; cạnh hướng Đông dài 111,1m, tiếp giáp với thửa đất ông V, bà T đang quản lý; cạnh hướng Nam dài 29m, tiếp giáp với đường bê tông liên thôn; cạnh hướng Tây dài 114,7m giáp thửa đất của ông Vũ Trung nhưng hiện ông V2 đang quản lý một phần. Diện tích đất tranh chấp là 3.686m^2 hiện ông V2, bà H đang quản lý, sử dụng trồng keo. Đối chiếu với bản đồ giao đất 02, toàn bộ diện tích đất tranh chấp đều nằm trong lô e khoảnh 26 giao cho hộ ông Mộc Xuân Th.

Trên diện tích đất tranh chấp xác định có 1.376 cây keo (cây có đường kính gốc từ 3cm - 5cm là 963 cây; cây có đường kính gốc từ 5 cm – 7cm là 413 cây) là tài sản của ông V2, bà H.

Đất tranh chấp giữa ông Th, bà K và ông V, bà T: Cạnh hướng Bắc dài 190,8m, tiếp giáp với thửa đất ông Th, bà K đang quản lý; ạnh hướng Đông dài 171,9m, tiếp giáp với thửa đất của ông Th, bà K; cạnh hướng Nam dài 200m, tiếp giáp với đường bê tông liên thôn; cạnh hướng Tây dài 218,1m lần lượt tiếp giáp với thửa đất ông Hoàng Văn V2 đang quản lý, sử dụng và thửa đất của ông Vũ Trung. Diện tích đất tranh chấp là 30.250m^2 , hiện ông V, bà T đang quản lý, sử dụng trồng keo. Đối chiếu với bản đồ giao đất 02, toàn bộ diện tích đất tranh chấp đều nằm trong lô e khoảnh 26 giao cho hộ ông Mộc Xuân Th.

Trên diện tích đất tranh chấp có 11.239 cây keo (cây có đường kính gốc dưới 3cm là 5.000 cây; cây có đường kính gốc từ 3-5cm là 3.958 cây; cây có đường kính gốc 5cm – 7cm là 2.281 cây) là tài sản của ông V, bà T.

Kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá:

Về giá đất là 25.000đ/m^2.

Về tài sản trên đất:

+ Keo có đường kính gốc từ 5- 7cm định giá 7.000đ/cây.

+ Keo có đường kính gốc từ 3-5cm định giá 4.500đ/cây.

+ Keo mới trồng hoặc có đường kính gốc từ dưới 3cm định giá 3.000đ/cây.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết V2 án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa V2 theo quy định, bị đơn, người liên quan không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm quyền và nghĩa V2 của đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX Áp dụng Điều 166, Điều 169, Điều 170, Điều 203, của Luật Đất đai 2013; Điều 129, Điều 175, Điều 176 của Bộ luật Dân sự; khoản 9 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường V2 Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Mộc Xuân Th, bà Hoàng Thị K về việc yêu cầu các bị đơn trả lại diện tích đất tranh chấp thuộc lô e khoảnh 23, thôn DB, xã AL, cụ thể như sau:

Buộc vợ chồng Hoàng Văn V2, bà Đàm Thị H trả lại diện tích 3.686m^2 đất tranh chấp thuộc lô e khoảnh 7. Giao ông Mộc Xuân Th, bà Hoàng Thị K quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản toàn bộ tài sản là cây keo trên đất. Ông Mộc Xuân Th, bà Hoàng Thị K trả cho ông Hoàng Văn V2 số tiền 7.225.000đ (đã làm tròn) là trị giá tài sản trên đất.

Buộc vợ chồng anh Hoàng Văn V, chị Dương Thị T trả lại diện tích 30.250 m^2 đất tranh chấp thuộc lô e khoảnh 7. Giao ông Mộc Xuân Th, bà Hoàng Thị K quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản toàn bộ tài sản là cây keo trên đất. Ông Mộc Xuân Th, bà Hoàng Thị K trả cho ông Hoàng Văn V, bà Dương Thị T số tiền 48.778.000đ là trị giá tài sản trên đất.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Mộc Xuân Th nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Mộc Xuân Th, bà Hoàng Thị K, ông Hoàng Văn V2, bà Đàm Thị H, ông Hoàng Văn V, bà Dương Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nguyên đơn ông Mộc Xuân Th, bà Hoàng Thị K khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất đối với các bị đơn là vợ chồng ông Hoàng Văn V2, bà Đàm Thị H, vợ chồng ông Hoàng Văn V, bà Dương Thị T có địa chỉ: Thôn L, xã LV, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Tòa án thụ lý, giải quyết V2 án theo quy định tại các khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa V2 liên quan đã được triệu tập H lệ đến phiên tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt, đại diện của UBND huyện Sơn Động có đơn xin xét xử

vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án vẫn tiến hành xét xử V2 án là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của nguyên đơn:

Vợ chồng ông Th, bà K khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Hoàng Văn V2, bà Đàm Thị H trả lại diện tích 3.686m^2, yêu cầu vợ chồng ông Hoàng Văn V, bà Dương Thị T trả lại diện tích 30.250m^2

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, biên bản xác minh, biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Năm 1995, gia đình ông Mộc Xuân Th được UBND huyện Sơn Động giao cho quản lý, sử dụng một lô đất lâm nghiệp thuộc thôn DB, xã AL, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp ngày 05/9/1995, diện tích 24ha, đến năm 2000 được cấp chuyển sang sổ bìa đỏ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 879802, cấp ngày 25/02/2000, mang tên Mộc Xuân Th, thuộc lô e khoảnh 26, diện tích 180.000m^2. Ủy ban nhân dân huyện Sơn Động là cơ quan có thẩm quyền giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn huyện Sơn Động khẳng định việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô e khoảnh 26 cho hộ ông Mộc Xuân Th phản ánh đúng thực tế tại thực địa, đúng quy định của pháp luật về giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi giao đất lâm nghiệp cho các cá nhân, hộ gia đình trong đó có ông Mộc Xuân Th đều được tiến hành trên thực địa, tổ công tác có lập biên bản giao nhận, các Th viên của tổ công tác và đại diện của hộ gia đình nhận đất có mặt và ký vào biên bản giao nhận. Việc giao đất lâm nghiệp lô e khoảnh 26 cho ông Mộc Xuân Th tại thực địa là đúng với lô, thửa của bản đồ quản lý đất lâm nghiệp 02. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Th vẫn còn hiệu lực. Gia đình ông Th, bà K hoàn toàn có đủ căn cứ pháp lý để được quản lý, sử dụng lô e khoảnh 26, được nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích H pháp về đất đai của mình theo quy định tại Điều 166 của Luật đất đai.

Vợ chồng ông Hoàng Văn V2, bà Đàm Thị H trình bày về nguồn gốc thửa đất là do được ông Hoàng Văn Lành tặng cho một phần diện tích thửa đất thuộc lô Q khoảnh 8 thuộc thôn Lọ, xã Lệ Viễn. Ông V2 có giao nộp cho Tòa án 01 bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp mang trên hộ ông Hoàng Văn Lành thuộc lô Q khoảnh 8 và đơn đề nghị của ông Hoàng Văn Lành để chứng minh quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp. Tuy nhiên, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định, phần diện tích 3.686m^2 đất tranh chấp là nằm trong lô e khoảnh 26 của gia đình ông Th, không nằm trong lô Q khoảnh 8. Như vậy ông V2, bà T không có các quyền của người sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp nói trên.

Vợ chồng ông Hoàng Văn V, chị Dương Thị T không trình bày ý kiến gì đối với nội dung có tranh chấp cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định diện tích 30.250m^2 đất tranh chấp giữa ông V, bà T là thuộc lô e khoảnh 26 giao cho hộ ông Mộc Xuân Th. Như vậy, ông V, bà T không có quyền của người sử dụng đất đối với diện tích đất có tranh chấp.

Hộ gia đình ông Mộc Xuân Th đã được UBND huyện Sơn Động giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô e khoảnh 26 từ năm 1995. Năm 2014, các bị đơn Hoàng Văn V2, Đàm Thị H, Hoàng Văn V, Dương Thị T tự ý trồng keo trên diện tích đất thuộc lô e khoảnh 26 đã được UBND huyện giao cho hộ ông Mộc Xuân Th là hành vi lấn chiếm đất đai, bị pháp luật nghiêm cấm được quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật đất đai.

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở kết luận, vợ chồng ông Th, bà K khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả lại diện tích đất tranh chấp thuộc lô e khoảnh 26, cụ thể: vợ chồng ông Hoàng Văn V2, bà Đàm Thị H trả lại diện tích 3.686m^2; vợ chồng ông Hoàng Văn V trả lại diện tích 30.250m^2 là có cơ sở, cần được chấp nhận.

[**3**] Về tài sản trên đất tranh chấp:

- Trên diện tích 3.686m^2 đất tranh chấp giữa ông Th, bà K và ông V2, bà H có tài sản của ông V2, bà H là 1.376 cây keo trị giá 7.225.000đ (trong đó, cây có đường kính gốc từ 3cm - 5cm là 963 cây x 4.500đ/cây = 4.334.000đ, cây có đường kính gốc từ 5 cm – 7cm là 413 cây x 7.000đ/cây = 2.891.000đ).

- Trên diện tích đất tranh chấp giữa ông Th, bà K và ông V, bà T có tài sản của ông V, bà T là 11.239 cây keo trị giá 48.778.000đ (trong đó, cây có đường kính gốc dưới 03cm là 5000 cây x 3.000đ/cây = 15.000.000đ, cây có đường kính gốc từ 3 cm – 5cm là 3.958 cây x 4.500đ/cây = 17.811.000đ, cây có đường kính gốc 5cm – 7cm là 2.281 cây x 7.000đ/cây = 15.967.000đ).

Đối với những tài sản nêu trên, nguyên đơn ông Th, bà K, bị đơn ông V2, bà H đều đề nghị Tòa án giao tài sản cho ông Th, bà K quản lý, ông Th, bà K đồng ý thanh toán giá trị bằng tiền cho các bị đơn. Bị đơn ông V, bà T không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện nay số cây trồng trên đất chưa đến tuổi khai thác, việc di dời cây là tài sản gắn liền với đất sẽ làm giảm hoặc mất giá trị của tài sản; yêu cầu của nguyên đơn buộc các bị đơn phải trả lại diện tích đất lấn chiếm được chấp nhận, do vậy, cần giao tài sản trên đất cho ông Th, bà K quản lý, sử dụng và định đoạt. Ông Th, bà K phải trả giá trị tài sản bằng tiền theo kết quả định giá của Hội đồng định giá cho các bị đơn là phù H với điều kiện thực tế, bảo toàn được giá trị của tài sản trên đất.

[4] Về chi phí tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và Th lập Hội đồng thẩm định, định

giá tài sản. Chi phí cho Hội đồng thẩm định, định giá tài sản hết 5.600.000đ, chi phí đo đạc hết 15.240.000đ, tổng chi phí tố tụng là 20.840.000đ (Hai mươi triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Ông Th đã nộp tiền tạm ứng, Hội đồng thẩm định, định giá đã chi phí và thanh toán xong với ông Th. Do ông Th, bà K tự nhận chịu khoản chi phí trên nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông Th, bà K.

[5] Về án phí: Ông Hoàng Văn V2, bà Đàm Thị H, ông Hoàng Văn V, bà Dương Thị T đều là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, ông Mộc Xuân Th, bà Hoàng Thị K là Th viên hộ nghèo nên thuộc diện được miễn nộp tiền án phí dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường V2 Quốc hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 12, Điều 166, Điều 169, Điều 170, Điều 203, của Luật Đất đai 2013; Điều 129, Điều 175, Điều 176 của Bộ luật Dân sự; khoản 9 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường V2 Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Mộc Xuân Th, bà Hoàng Thị K về việc yêu cầu các bị đơn trả lại diện tích đất tranh chấp thuộc lô e khoảnh 23, thôn DB, xã AL, cụ thể như sau:

1.1. Buộc Hoàng Văn V2, bà Đàm Thị H trả lại cho ông Mộc Xuân Th, bà Hoàng Thị K diện tích 3.686m^2 đất tranh chấp thuộc lô e khoảnh 7. Kích thước cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Bắc nối các điểm 2-3 dài 37m, tiếp giáp với thửa đất ông V, bà T đang quản lý.
- Cạnh hướng Đông nối các điểm 3-4 dài 111,1m, tiếp giáp với thửa đất ông V, bà T đang quản lý;
- Cạnh hướng Nam nối các điểm 1-4, dài 29m, tiếp giáp với đường bê tông liên thôn;
- Cạnh hướng Tây nối các điểm 1-2 dài 114,7m giáp thửa đất của ông Vũ Trung nhưng hiện ông V2 đang quản lý một phần.

Đất có tranh chấp là Hình nối các điểm 1-2-3-4-1.

(Có sơ đồ kèm theo)

Giao ông Mộc Xuân Th, bà Hoàng Thị K quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản trên đất là 1.376 cây keo (trong đó, cây có đường kính gốc từ 3cm - 5cm là 963 cây, cây có đường kính gốc từ 5 cm – 7cm là 413 cây).

Ông Mộc Xuân Th, bà Hoàng Thị K trả cho ông Hoàng Văn V2 số tiền 7.225.000đ (Bảy triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) là trị giá tài sản trên đất.

1.2. Buộc vợ chồng anh Hoàng Văn V, chị Dương Thị T trả lại cho ông Mộc Xuân Th, bà Hoàng Thị K diện tích 30.250 m^2 đất tranh chấp thuộc lô e khoảnh 7. Kích thước cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Bắc nối các điểm 8-9-10 dài 190,8m, tiếp giáp với thửa đất ông Th, bà K đang quản lý.
- Cạnh hướng Đông nối các điểm 5-6-7-8 dài 171,9m, tiếp giáp với thửa đất của ông Th, bà K;
- Cạnh hướng Nam nối các điểm 4-5, dài 200m, tiếp giáp với đường bê tông liên thôn;
- Cạnh hướng Tây nối các điểm 4-3-2-10 dài 218,1m lần lượt tiếp giáp với thửa đất ông Hoàng Văn V2 đang quản lý, sử dụng và thửa đất của ông Vũ Trung.

Đất có tranh chấp là Hình nối các điểm 4-5-6-7-8-9-10-2-3-4.

(Có sơ đồ kèm theo)

Giao ông Mộc Xuân Th, bà Hoàng Thị K quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản trên đất là 11.239 cây keo (trong đó, cây có đường kính gốc dưới 03cm là 5000 cây, cây có đường kính gốc từ 3 cm – 5cm là 3.958 cây, cây có đường kính gốc 5cm – 7cm là 2.281 cây).

. Ông Mộc Xuân Th, bà Hoàng Thị K phải trả cho ông Hoàng Văn V, bà Dương Thị T số tiền 48.778.000đ (Bốn mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng) là trị giá tài sản trên đất.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành, mức lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Mộc Xuân Th, bà Hoàng Thị K chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 20.840.000đ. Xác nhận ông Th, bà K đã nộp đủ chi phí tố tụng.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hoàng Văn V2, bà Đàm Thị H, ông Hoàng Văn V, bà Dương Thị T và ông Mộc Xuân Th, bà Hoàng Thị K.

Đương sự có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

** Trường H bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận**:**
- VKSND huyện SĐ
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- Chi cục THADS huyện SĐ
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ; VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Hằng